

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 19/02/2021  
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Lê Quế Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Vân;

Bà Nguyễn Thị Loan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 434/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm: 1984; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã C, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Chị Ngô Ngọc Bích T, sinh năm: 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã C, huyện C, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:

Anh và chị Ngô Ngọc Bích T chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 24/12/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, chị T có quan hệ tình cảm bất chính với người khác, nên anh chị đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy

mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thế H, sinh ngày 12/3/2014 và Phạm Thị Cát T, sinh ngày 01/3/2015, tại biên bản hòa giải anh Đ trình bày ý kiến anh yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu H và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ đồng ý giao con chung là cháu T cho chị T nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con đối với cháu T.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Ngô Ngọc Bích T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc anh Đ xin ly hôn với chị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Ngô Ngọc Bích T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ, chị T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị T nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn chị T có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh Phạm Văn Đ và chị Ngô Ngọc Bích T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được C, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 24/12/2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Anh Đ và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, chị T có quan hệ tình cảm bất chính với người khác, nên anh chị đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn, còn chị T thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc anh Đ xin ly hôn với bà. Điều này cho thấy chị T đã không yêu thương, quan tâm và không có ý

định hàn gắn tình cảm cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thê H, sinh ngày 12/3/2014 và Phạm Thị Cát T, sinh ngày 01/3/2015, tại biên bản hòa giải anh Đ trình bày ý kiến anh yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu H và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ đồng ý giao con chung là cháu T cho chị T nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con đối với cháu T.

Xét thấy, sau khi ly thân anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu H, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu T khỏe mạnh và ổn định cho đến nay. Anh Đ cũng có ý kiến đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Nên việc giao cháu H cho anh Đ và giao cháu T cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ và chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: Anh Đ xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, chị T không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Anh Đ xác định không yêu cầu giải quyết về nợ chung, chị T không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Anh Phạm Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn Đ được ly hôn với chị Ngô Ngọc Bích T.

Về con chung: Giao con chung Phạm Thế H, sinh ngày 12/3/2014 cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Phạm Thị Cát T, sinh ngày 01/3/2015 cho chị Ngô Ngọc Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phạm Văn Đ, chị Ngô Ngọc Bích T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Phạm Văn Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005823 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh Đ đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn Đ, chị Ngô Ngọc Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Ủy ban nhân dân xã Cẩm Sơn;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Lê Quế Thanh**